TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27/8/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Ngọc Sông

2. Ông Doãn Huy Giáp

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Tống Thị Nghĩa - Thư ký viên TAND khu vực 4 - Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhật Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2025/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thu Th; CCCD: 036188022654;

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Như H; CCCD: 002077004229;

Cùng địa chỉ: SN 178, đường N, tổ 15, phường N, TP. H, tỉnh H (cũ); địa chỉ mới: SN 178 N, tổ dân phố 15 phường H 1, tỉnh Tuyên Quang. (*Các đương sự cùng có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2025; bản tự khai ngày 05/5/2025 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Thuỷ, trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H kết hôn ngày 05/12/2007, đăng ký kết hôn tại UBND phường Minh Khai, thành phố H, tỉnh H (Cũ), kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường

xuyên cãi nhau, hai vợ chồng sống chung nhà nhưng không có sự quan tâm, chia sẻ, nói chuyện với nhau, việc ai người đó làm. Cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay, chị không còn tình cảm với anh H. Vì vậy, chị T đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có hai con chung là cháu Nguyễn Như Thế Đ, sinh ngày 07/9/2018 và cháu Nguyễn Như Hải L, sinh ngày 04/4/2020. Do cháu Đ bị khuyết tật, nên khi ly hôn chị xin được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ và để cho anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu L. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

** Theo bản tự khai ngày 22/5/2025 và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Như H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H xác nhận lời trình bày của chị T về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn như chị T trình bày là đúng. Tuy nhiên, theo anh H nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị Thuỷ hay chơi bời, uống rượu với bạn bè, anh đã khuyên bảo nhưng chị T không nghe dẫn đến vợ chồng hay cãi chửi nhau. Do anh chị còn có một con chung là cháu Đ bị mắc bệnh thiểu năng trí tuệ Đg được hưởng trợ cấp của nhà nước. Vì vậy, anh muốn hai vợ chồng cùng nhau tập trung nuôi các con, nên anh H không đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh H xác nhận anh và chị Thuỷ có hai con chung là cháu Nguyễn Như Thế Đ, sinh ngày 07/9/2018 (cháu Đ bị khuyết tật) và cháu Nguyễn Như Hải L, sinh ngày 04/4/2020. Nếu ly hôn anh nhất trí với ý kiến của chị T về việc nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

Quá trình giải quyết: Toà án đã nhiều lần tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự, nhưng tại các buổi hoà giải một trong các bên đương sự vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án không thực hiện được việc hòa giải.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và nuôi con chung. Bị đơn anh H không nhất trí ly hôn với chị T, nhất trí về việc nuôi con chung theo ý kiến của chị T.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang phát biểu ý kiến tại phiên toà:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Điều 48; Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do các đương sự cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật, đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu Th về việc: Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con chung khi ly hôn.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu Thuỷ được ly hôn với anh Nguyễn Như H.

3. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Như Thế Đ, sinh ngày 07/9/2018 cho đến khi có sự thay đổi sự kiện pháp lý khác. Giao cho anh Nguyễn Như H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Như Hải L, sinh ngày 04/4/2020 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con và cùng có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

Việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Như H; địa chỉ: SN 178, đường N, tổ 15, phường N, TP. H, tỉnh H (cũ); địa chỉ mới: SN 178 N, tổ dân phố 15 N, phường H 1, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 và điều 5,6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Chị Thuỷ khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp việc nuôi con chung khi ly hôn. Do vậy, quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Chị T và anh H kết hôn ngày 05/12/2007, đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố H, tỉnh H (Cũ), kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Căn cứ Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân gia đình quan hệ hôn nhân giữa chị Thuỷ và anh H là hợp pháp.

[4]. Lý do chị T xin ly hôn: Do qúa trình chung sống, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, hay cãi nhau. Bản thân chị không còn tình cảm với anh H, nên không muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân cùng với anh H.

[5]. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp, bởi lẽ: Quá trình chung sống của vợ chồng chị T và anh H đã để xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau. Tuy anh chị vẫn sống chung nhà nhưng không quan tâm, chia sẻ, nói chuyện với nhau, cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân anh H xác nhận hai anh chị đã có mâu thuẫn do chị Thuỷ hay chơi bời, uống rượu, anh đã khuyên bảo nhưng chị T không nghe dẫn đến vợ chồng nhiều lần cãi chửi nhau. Theo Điều 19- Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 quy định *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung T, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình..."*, nhưng quan hệ hôn nhân của hai anh chị không đáp ứng được theo quy định của pháp luật, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ về tình nghĩa vợ chồng. Quá trình giải quyết, Toà án đã nhiều lần tiến hành mở phiên hoà giải để hai bên đương sự có điều kiện tháo gỡ mâu thuẫn vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng tại các buổi hoà giải một trong các bên đương sự vắng mặt không có lý do, Toà án không thể tiến hành hoà giải được. Như vậy, đã thể hiện việc hai anh chị không muốn hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[6]. Căn cứ biên bản làm việc ngày 26/7/2025 tại cơ quan Quản lý Nhà nước về gia đình và trẻ em và biên bản xác minh trình trạng hôn nhân, đã xác định được cuộc hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, nếu cứ tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì cuộc sống chung của chị T, anh H cũng không có hạnh phúc, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại điều 56 - Luật HN&GĐ, Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toàn án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh H.

[7]. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H cho rằng do chị T hay chơi bời, hay uống rượu anh đã khuyên bảo nhưng chị Thuỷ không nghe dẫn đến vợ chồng

mâu thuẫn. Lý do anh không nhất trí ly hôn là vì anh chị còn có một con chung bị mắc bệnh thiểu năng trí tuệ Đg được hưởng trợ cấp của nhà nước. Xét ý kiến của anh H về việc không nhất trí ly hôn là chưa phù hợp bởi lẽ, khi vợ chồng chung sống với nhau cần phải có sự yêu thương, tôn trọng và giúp đỡ nhau trong cuộc sống từ cả hai bên. Tuy nhiên, bản thân chị T khẳng định chị không còn tình cảm với anh H, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong thời gian dài, không khắc phục được. Do đó, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được theo quy định của pháp luật, nên hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của anh H.

[8]. Về con chung: Chị T và anh H cùng thống nhất xác nhận anh, chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Như Thế Đ, sinh ngày 07/9/2008, cháu Đ bị khuyết tật nặng, hiện Đg được hưởng trợ cấp xã hội của Nhà nước theo QĐ số 2413/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 của UBND thành phố H (cũ) và cháu Nguyễn Như Hải L, sinh ngày 04/4/2020.

[9]. Tại phiên tòa chị T và anh H thống nhất được việc nuôi dưỡng con chung. Giao cho chị T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Như Thế Đ, sinh ngày 07/9/2008 (bị khuyết tật) cho đến khi có sự thay đổi sự kiện pháp lý khác; giao cho anh H là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Như Hải L, sinh ngày 04/4/2020 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy nội dung thỏa thuận về việc nuôi con chung của chị T và anh H là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[10]. Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con. Do đó, HĐXX không xem xét giải quyết.

[11]. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

[12]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[13]. Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; Điều 147 BLTTDS; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, 58, 68, 69, 71, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của

UBTVQH; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của HĐTP TANDTC; Điều 4, Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toàn án nhân dân tối cao; Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Như H.

3. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Nguyễn Như Thế Đ sinh ngày 07/9/2008 cho đến khi có sự thay đổi sự kiện pháp lý khác. Giao cho anh Nguyễn Như H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Nguyễn Như Hải L, sinh ngày 04/4/2020 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh H và chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con và cùng có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung.

Việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H (Cũ), biên lai số 0000630 ngày 16 tháng 4 năm 2025.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HG;
- VKSND KV4-TQ;
- Các đương sự;
- THADS T.TQ;
- UBND P.H 2
- Lưu HS - BP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Thanh Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Hoàng Ngọc Sông + Doãn Huy Giáp	**Lê Thị Thanh Bình**